

Số: 01 /KL-TTr

Than Uyên, ngày 25 tháng 12 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư, sửa chữa các công trình thủy lợi và nguồn vốn thủy lợi phí năm 2021-2022

Thực hiện Quyết định thanh tra số 13/QĐ-TTr ngày 02/8/2023 của Chánh Thanh tra huyện Than Uyên về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư, sửa chữa các công trình thủy lợi và nguồn vốn thủy lợi phí năm 2021, 2022 trên địa bàn huyện Than Uyên. Từ ngày 15/8/2023 đến ngày 18/10/2023 Đoàn Thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Phòng Tài chính - Kế hoạch; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Than Uyên.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 03/BC-ĐTTr ngày 09/11/2023 của Trưởng Đoàn thanh tra, Thanh tra huyện kết luận thanh tra như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Huyện Than Uyên nằm ở phía Đông Nam của tỉnh Lai Châu, là huyện có diện tích đất nông nghiệp lớn nhất trên địa bàn tỉnh, diện tích đất tự nhiên là 79.252,92 ha, chiếm 8,7% diện tích của tỉnh với các loại đất như đất feralit đỏ vàng, đất mùn trên núi cao, đất phù sa ngòi suối; huyện có 11 xã và 01 thị trấn, 131 bản, khu dân cư; dân số 14.719 hộ, 70.575 nhân khẩu, 10 dân tộc¹. Toàn huyện có 125 công trình thủy lợi và 361,5 km kênh mương² đảm bảo tưới 4.830 ha³, UBND huyện quản lý 106 công trình. Diện tích đất được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi 3.318,7 ha⁴. Các công trình thủy lợi cơ bản đảm bảo tưới nước, tiêu nước, cấp nước cho diện tích đất lúa, hoa màu, thủy sản trên địa bàn huyện.

Thuận lợi: Trong những năm qua được sự quan tâm chỉ đạo của UBND huyện, sự phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn, sự hướng dẫn thường xuyên của các sở, ban, ngành tỉnh, kịp thời chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Nguồn vốn đầu tư các công trình thủy lợi và nguồn thủy lợi phí được phân bổ cơ bản đáp ứng được nhu cầu đầu tư, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi.

¹ Dân tộc Thái 69,9%; Kinh 14,74%; Mông 12,07%; Khơ Mú 2,02%; Dao 0,60%; dân tộc khác 0,66%.

² 117 công trình đầu mối kiên cố và các công trình đầu mối tạm; 305,3 km kênh kiên cố; 56,2km kênh đất.

³ 2.633 ha lúa mùa; 1.923 ha lúa chiêm; 183 ha màu; 91 ha thủy sản.

⁴ Diện tích tưới tiêu lúa 3.181,5 ha; tưới tiêu hoa màu 64,2 ha; nuôi trồng thủy sản 64,2 ha.

Khó khăn: Do địa hình vùng miền núi, độ dốc lớn, chia cắt mạnh, phức tạp, mùa mưa gây ra lũ ống, lũ quét gây sạt lở, xói mòn đất; mùa khô nắng hạn kéo dài gây khó khăn cho việc đầu tư, quản lý, khai thác, bảo vệ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện, một số công trình sau đầu tư đưa vào sử dụng bị đứt gãy, hư hỏng làm ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng công trình.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

Nội dung thanh tra thực hiện trên cơ sở kiểm tra hồ sơ, sổ sách, chứng từ kế toán lưu trữ do các cơ quan, đơn vị được thanh tra cung cấp; kiểm tra, xác minh thực tế tại hiện trường các công trình được đầu tư, sửa chữa, nâng cấp; việc chi trả tiền dịch vụ thủy lợi cho các tổ thủy lợi tại các xã, thị trấn.

Đoàn thanh tra không thực hiện thanh tra nội dung đã được thanh tra, kiểm tra, cụ thể: Công an kinh tế tỉnh Lai Châu thực hiện kiểm tra 02 công trình đầu tư, sửa chữa bằng nguồn vốn hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2021 do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ đầu tư; Thanh tra huyện Than Uyên đã thanh tra tại UBND các xã: Mường Kim; Khoen On; Ta Gia; Phúc Than năm 2021; tại UBND xã Mường Than năm 2021; 2022⁵.

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Việc tuyên truyền, quán triệt triển khai thực hiện các quy định và các văn bản liên quan

Các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn thực hiện tuyên truyền, phổ biến quán triệt, triển khai các quy định, các văn bản hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư các công trình thủy lợi và nguồn vốn thủy lợi phí bằng nhiều hình thức như: Tuyên truyền trên hệ thống loa phát thanh của thôn bản trên địa bàn UBND các xã, thị trấn; lồng ghép nội dung vào các cuộc họp do UBND các xã, thị trấn tổ chức các buổi họp tại thôn bản, khu dân cư; quán triệt các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và các cá nhân cán bộ, công chức được phân công phụ trách lĩnh vực⁶. Tuy nhiên, trong quá trình triển

⁵ Thông báo số 5553/CV-CXT (PC03) ngày 29/11/2021, của Công an kinh tế tỉnh Lai Châu thông báo kết quả kiểm tra, xác minh giải quyết đơn thư; Kết luận số 1878/KL-UBND ngày 28/6/2022 của UBND huyện về việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý sử dụng ngân sách tại UBND xã Mường Kim; Kết luận số 2927/KL-UBND ngày 12/10/2022 của UBND huyện về việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý, sử dụng ngân sách tại UBND xã Khoen On; Kết luận số 175/KL-UBND ngày 30/01/2023 của UBND huyện về thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng tại UBND xã Ta Gia; Kết luận số 174/KL-UBND ngày 30/01/2023 của UBND huyện về thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng tại UBND xã Phúc Than; Kết luận số 2097/KL-UBND ngày 05/7/2023 về việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý, sử dụng ngân sách; trách nhiệm của Chủ tịch UBND xã trong việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng tại UBND xã Mường Than.

⁶ Kết quả, năm 2021, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND huyện tổ chức 02 hội nghị triển khai tại huyện, thành phần tham dự gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và cán bộ phụ trách chuyên môn, kế toán các đơn vị tham dự; năm 2022, chỉ đạo tổ chức 12 cuộc họp tại UBND các xã, thị trấn, thành phần gồm Lãnh đạo UBND xã, công chức địa chính, kế toán và trưởng các thôn bản, nội

khai thực hiện Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh Lai Châu và Hướng dẫn số 1065/HD-SNN ngày 04/6/2021 của Sở Nông nghiệp, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa tham mưu cho UBND huyện xây dựng Kế hoạch tổ chức hướng dẫn, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về tưới tiêu, vận hành, duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi UBND các xã, thị trấn.

Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có thời điểm chưa quan tâm phối hợp với cơ quan chuyên môn của UBND cấp huyện để được hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; chưa thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thủy lợi đến toàn thể nhân dân trên địa bàn; chưa thực sự quyết liệt trong việc tổ chức, triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên dẫn đến việc không thành lập, củng cố được các tổ chức thủy lợi cơ sở để tiếp nhận quản lý, khai thác, bảo vệ các công trình thủy lợi được phân cấp quản lý trước ngày 30/6/2021 theo quy định tại khoản 2, Điều 16 Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh Lai Châu và quy định tại Điều 30, Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Việc ban hành các văn bản về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí

Thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của UBND tỉnh, các sở ngành, UBND huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu, ban hành 29 văn bản cụ thể hoá chỉ đạo, quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư và nguồn vốn thủy lợi phí để sửa chữa, quản lý, khai thác, vận hành hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện đảm bảo đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho UBND huyện ban hành Công văn số 1673/UBND-PNN ngày 25/6/2021, về việc thành lập, củng cố và phát triển tổ chức thủy lợi cơ sở để tiếp nhận quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Than Uyên chưa kịp thời theo khoản 2, Điều 16 Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh Lai Châu "*Trước ngày 30/6/2021, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hoàn thành việc thành lập, củng cố các tổ chức thủy lợi theo quy định*".

(Có phụ biểu số 01 kèm theo)

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ, SỬA CHỮA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

1. Việc phân bổ nguồn vốn đầu tư các công trình

Hàng năm, căn cứ quyết định giao dự toán ngân sách địa phương của UBND tỉnh, Phòng Tài chính - Kế hoạch đã tham mưu cho UBND huyện,

dung về việc kiện toàn, củng cố các tổ chức thủy lợi cơ sở để thực hiện phân cấp, giao quyền thực hiện quản lý, sử dụng các công trình thủy lợi và nguồn vốn thủy lợi phí.

UBND huyện ban hành kịp thời, đảm bảo các quyết định⁷ phê duyệt chủ trương đầu tư 03/03 công trình từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển đất lúa, nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia để thực hiện làm mới, sửa chữa, bảo trì, cải tạo nâng cấp các công trình thuỷ lợi, các quyết định phân bổ nguồn vốn thực hiện sửa chữa, nâng cấp các công trình thuỷ lợi theo đúng thẩm quyền, kịp thời đáp ứng được nhu cầu sửa chữa, nâng cấp các tuyến kênh, mương thuỷ lợi đảm bảo cung cấp nước tưới tiêu phục vụ cho phát triển sản xuất nông nghiệp, hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

2. Kết quả thực hiện

Kế hoạch vốn giao năm 2021, 2022 tại các quyết định⁸ tổng số tiền 1.434 triệu đồng, thực hiện 1.434 triệu đồng, trong đó:

- **Năm 2021**, Kế hoạch vốn giao 1.300 triệu đồng, bao gồm 03 dự án, kết quả thực hiện 1.300 triệu đồng, đạt 100% so với kế hoạch vốn. Hồ sơ các công trình do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ đầu tư đã được Công an kinh tế tỉnh Lai Châu kiểm tra, xác minh và ban hành Thông báo số 5553/CV-CXT (PC03) ngày 29/11/2021, thông báo kết quả kiểm tra, xác minh giải quyết đơn thư. Đoàn thanh tra không thực hiện thanh tra đối với các công trình trên.

- **Năm 2022**, UBND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư 01 dự án làm mới tuyến mương Nà Mạ, xã Mường Cang từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 1715/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND huyện về việc phân bổ vốn Chương trình mục tiêu quốc gia. Kế hoạch vốn giao 134 triệu đồng, kết quả thực hiện 134 triệu đồng, đạt 100% so với kế hoạch vốn. Công trình đưa vào sử dụng đảm bảo theo hồ sơ, thiết kế và dự toán được phê duyệt. Tuy nhiên việc lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thanh quyết toán công trình sai số tiền 2,436 triệu đồng (*lập dự toán công trình với mức thuế GTGT 10%*) chưa đảm bảo theo quy định khoản 2, Điều 12, Điều 13 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ quy định về chi phí quản lý, đầu tư xây dựng và Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

(Có phụ biểu số 02 kèm theo)

⁷ Năm 2021: Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 10/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình khởi công năm 2021 từ nguồn chi thường xuyên năm 2021 để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo nâng cấp các công trình thuỷ lợi.

Năm 2022: Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành quy định về một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu, HĐND huyện ban hành Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 12/5/2022 phê duyệt chương trình đầu tư các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2022-2025 của Đề án phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hoá tập trung giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 28/7/2022, phân bổ chủ trương đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

⁸ Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 22/3/2021, quyết định về phân khai vốn hỗ trợ phát triển đất lúa; Quyết định số 1715/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 quyết định giao dự toán thực hiện Chương trình MTQG năm 2022.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGUỒN KINH PHÍ MIỄN THỦY LỢI PHÍ

1. Việc thành lập các tổ chức thủy lợi cơ sở

Năm 2021, Thực hiện Quyết định số 29/2009/QĐ-UBND ngày 27/11/2009 của UBND tỉnh Lai Châu về tổ chức, quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt nông thôn do nhà nước đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu. UBND các xã, thị trấn đã kiện toàn, củng cố Ban thủy lợi xã, các tổ thủy lợi thôn bản trình Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tham mưu cho UBND huyện ban hành các quyết định kiện toàn Ban thủy lợi các xã. Kết quả đã thành lập và kiện toàn 12/12 Ban thủy lợi cấp xã, 87 tổ thủy lợi/107 danh mục công trình thủy lợi⁹; Ban thủy lợi xã xây dựng quy chế hoạt động của tổ thủy lợi; hàng năm xây dựng kế hoạch, phân công giao nhiệm vụ cho thành viên Ban quản lý xã, tổ thủy lợi thôn bản để có phương án quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi; Thực hiện Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh Lai Châu; Hướng dẫn 1065/HD-SNN ngày 04/6/2021 của Sở Nông nghiệp. Trên địa bàn huyện có UBND xã Hua Nà, thành lập được 02 Tổ hợp tác thủy lợi (*Bản Hua Nà, Bản Phường*). Tuy nhiên, thời điểm thành lập (*ngày 04/6/2021*) trước khi có văn bản triển khai của UBND huyện; các văn bản của xã Hua Nà ban hành cùng ngày với Hướng dẫn 1065/HD-SNN ngày 04/6/2021 của tỉnh; một số hồ sơ, thủ tục chưa đảm bảo¹⁰.

Năm 2022, Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã có văn bản đôn đốc UBND các xã, thị trấn thực hiện thành lập, củng cố, kiện toàn phát triển tổ chức thủy lợi cơ sở theo Hướng dẫn số 1065/HD-SNN ngày 04/6/2021 của Sở Nông nghiệp. Đến thời điểm 31/12/2022, còn 11/12 UBND các xã, thị trấn chưa thành lập được các tổ chức thủy lợi cơ sở do trong quá trình triển khai thực hiện các văn bản của tỉnh có nội dung bất cập, mâu thuẫn¹¹, gây khó khăn trong triển

⁹ Xã Phúc Than (01 Ban quản lý; 12 tổ thủy lợi/14 công trình); xã Mường Than (01 Ban quản lý; 12 tổ thủy lợi/21 công trình); xã Mường Mít (01 Ban quản lý; 04 tổ thủy lợi/04 công trình); xã Tà Hira (01 Ban quản lý; 07 tổ thủy lợi/07 công trình); thị trấn Than Uyên (01 Ban quản lý; 03 tổ thủy lợi/04 công trình); xã Hua Nà (01 Ban quản lý; 03 tổ thủy lợi/04 công trình); xã Mường Cang (01 Ban quản lý; 10 tổ thủy lợi/15 công trình); xã Mường Kim (01 Ban quản lý; 10 tổ thủy lợi/10 công trình); xã Pha Mu (01 Ban quản lý; 01 tổ thủy lợi/03 công trình); xã Tà Mung (01 Ban quản lý; 07 tổ thủy lợi/07 công trình); xã Khoen On (01 Ban quản lý; 10 tổ thủy lợi/10 công trình); xã Ta Gia (01 Ban quản lý; 08 tổ thủy lợi/08 công trình).

¹⁰ UBND xã không thành lập Ban vận động xây dựng Tổ hợp tác; không có hồ sơ đầy đủ và nội dung cần thiết trình UBND xã công nhận sự ra đời chính thức của tổ hợp tác; không có văn bản công nhận sự ra đời chính thức của tổ hợp tác. Đến thời điểm 31/12/2021 còn 11/12 xã, thị trấn chưa thành lập được các tổ chức thủy lợi cơ sở theo quy định tại Điều 30, Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, do vậy UBND các xã, thị trấn trực tiếp thực hiện nhiệm vụ của tổ chức thủy lợi cơ sở chưa đảm bảo theo quy định.

¹¹ Tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ, quy định “Là công trình thủy lợi có nhiệm vụ tích trữ nước, cấp nước, tưới, tiêu, thoát nước có quy mô nhỏ hơn 20 ha vùng miền núi cả nước”;

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 13 Chương I, Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh Lai Châu quy định: “Khoản 1 giải thích từ ngữ: Thủy lợi nhỏ: Là công trình thủy lợi có nhiệm vụ tích trữ nước, cấp nước, tưới, tiêu, thoát nước có quy mô nhỏ hơn 20 ha (*đã bao gồm công trình thủy lợi nội đồng có quy mô nhỏ hơn, hoặc bằng 0,5 ha*); “Khoản 2, giải thích từ ngữ: Thủy lợi nội đồng: Là công trình thủy lợi có nhiệm vụ tích trữ nước, cấp nước, tưới, tiêu, thoát nước có quy mô nhỏ hơn 0,5 ha;

Tại khoản 3 Điều 16 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định: “Quy mô của thủy lợi nội đồng được quy định theo diện tích tưới nước, tiêu thiết kế

khai, thực hiện, các đơn vị chưa kịp thời phát hiện báo cáo, đề xuất với cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung điều chỉnh cho phù hợp với các quy định của pháp luật dẫn đến việc UBND các xã, thị trấn không vận dụng được Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ trong việc thành lập các Tổ hợp tác thủy lợi để tiếp nhận, quản lý, khai thác, vận hành và bảo vệ các công trình thủy lợi.

2. Trình tự xác nhận đối tượng, diện tích được miễn thủy lợi phí và hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền quyết định diện tích miễn thủy lợi phí

Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đã thực hiện rà soát, lập bảng kê danh sách chi tiết diện tích tưới nước, tiêu nước, cấp nước cho các hộ dùng nước theo địa bàn có xác nhận của từng hộ trình Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho UBND huyện, UBND tỉnh ban hành quyết định¹² phê duyệt diện tích làm căn cứ hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi phí trên địa bàn huyện. Phòng Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND các xã, thị trấn triển khai công tác xác nhận đối tượng, diện tích phân bổ kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng, sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi phí cơ bản đảm bảo theo định mức quy định.

3. Việc lập dự toán, phân bổ dự toán

Căn cứ quyết định của UBND tỉnh¹³ về giao kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích; Hướng dẫn số 966/HĐ-STC-SNN&PTNT ngày 25/10/2017, của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Hướng dẫn số 1405/HĐ-STC ngày 18/8/2021 của Sở Tài chính và định mức tại Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018, của Bộ Tài chính; Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tham mưu cho UBND huyện ban hành quyết định phân bổ kinh phí cấp bù thủy lợi phí như sau:

Tổng kinh phí 7.885 triệu đồng/8.464,603 triệu đồng, đạt 93,15% so với định mức giá tối đa do Bộ Tài chính quy định¹⁴, cụ thể:

của khu vực tưới, tiêu đối với từng vùng, khu vực miền núi nhỏ hơn hoặc bằng 50 ha”; đối chiếu với danh mục công trình thủy lợi được phê duyệt tại Quyết định số 2506/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện, phê duyệt diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi phí năm 2021 trên địa bàn huyện Than Uyên; Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 21/7/2022, của UBND tỉnh Lai Châu, phê duyệt diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm công ích thủy lợi phí năm 2022. Như vậy, trên địa bàn huyện Than Uyên toàn bộ danh mục các công trình thủy lợi đều thuộc nhóm công trình thủy lợi nhỏ và thủy lợi nội đồng.

¹² Quyết định số 1682/QĐ-UBND, 14/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện, Phê duyệt diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi phí năm 2020 trên địa bàn huyện Than Uyên; Quyết định số 2506/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện, Phê duyệt diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi phí năm 2021 trên địa bàn huyện Than Uyên; Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 21/7/2022, của UBND tỉnh Lai Châu, phê duyệt diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm công ích thủy lợi phí năm 2022.

¹³ Quyết định số 1762/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021; Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2022.

¹⁴ Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018, của Bộ Tài chính; Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính.

Năm 2021, UBND huyện phân bổ kinh phí cho UBND các xã, thị trấn theo Quyết định số 2772/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện về phân bổ kế hoạch nguồn vốn thủy lợi phí năm 2021; Quyết định số 3510/QĐ-UBND ngày 04/10/2021 về điều chỉnh kinh phí miễn thủy lợi phí năm 2021 với tổng kinh phí 3.881 triệu đồng.

Năm 2022, UBND huyện ban hành Quyết định số 4612/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 phân bổ kinh phí cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với tổng kinh phí 4.004 triệu đồng.

4. Thực hiện dự toán và quyết toán nguồn kinh phí

Năm 2021, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp phát nguồn kinh phí cho UBND các xã, thị trấn theo hình thức lệnh chi tiền, số tiền 3.864,151 triệu đồng/3.881 triệu đồng, đạt 99,6% kế hoạch vốn giao thực hiện hỗ trợ cho quản lý, khai thác, sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích đảm bảo tưới nước, tiêu nước, cấp nước cho 3.303,1 ha diện tích đất, mặt nước (gồm: 1.376,6 ha lúa chiêm; 1.798,9 ha lúa mùa; 62 ha hoa màu; 65,6 ha thủy sản).

Ban thủy lợi các xã, thị trấn đã ký hợp đồng tưới nước, tiêu nước, cấp nước, vận hành duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi với các tổ thủy lợi từ thời điểm 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021, đồng thời trực tiếp thực hiện nhiệm vụ của tổ chức thủy lợi cơ sở cơ bản đảm bảo theo kịp thời vụ (do chưa thành lập được các tổ chức thủy lợi cơ sở); thường xuyên kiểm tra các công trình định kỳ trước và sau mùa mưa lũ, hướng dẫn các hộ dùng nước tưới tiêu hợp lý, tránh lãng phí, sau khi có quyết định giao dự toán Ban thủy lợi các xã, thị trấn thực hiện lập dự toán chi phí miễn thủy lợi phí trình UBND các xã, thị trấn phê duyệt chưa đảm bảo theo quy định tại Hướng dẫn số 966/HĐ-STC-SNN&PTNT ngày 25/10/2017 của liên Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (kinh phí cấp bù thủy lợi phí với tỷ lệ 15% cho Ban quản lý xã, 85% chi công tác quản lý Tổ thủy lợi thôn, bản)¹⁵.

Tổng kinh phí các đơn vị thực hiện 3.864,151 triệu đồng để chi trả hoạt động của Ban quản lý thủy lợi xã, chi bảo vệ, khai thác, vận hành, nạo vét, duy tu, bảo dưỡng và sử dụng một phần để sửa chữa, nâng cấp các tuyến kênh¹⁶ cơ bản đảm bảo, còn một số nội dung các đơn vị thực hiện chưa đúng quy định: Thanh toán tiền Ban quản lý thủy lợi xã 6 tháng cuối năm 2021, số tiền 48,995 triệu đồng¹⁷ chưa đảm bảo quy định tại mục IV của Hướng dẫn số 1405/HD-STC ngày 18/8/2021 của Sở Tài chính về sử dụng nguồn tài chính trong các đơn vị khai thác công trình thủy lợi: "Việc sử dụng kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản

¹⁵ Ủy ban nhân dân các xã: Hua Nà 6,56%; Tà Hừa 12,55%; Mường Cang 12,95%; Tà Mung 11,11%; Mường Mít 13,97%; Pha Mu 5,12%; Phúc Than 6,24%; Mường Than 6,42%; Thị trấn Than Uyên 5,6%; Mường Kim 2,92%; Khoen On 7,37%; Ta Gia 6,97%.

¹⁶ Chi hoạt động của Ban thủy lợi xã 368,432 triệu đồng/3.881 triệu đồng, đạt 9,5% so với kế hoạch vốn; chi duy tu, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi 1.495,696 triệu đồng/3.881 triệu đồng, đạt 38,5% so với kế hoạch vốn; chi vận hành, nạo vét, khai thác, bảo vệ các công trình thủy lợi 2.000,023 triệu đồng/3.881 triệu đồng, đạt 51,6% so với kế hoạch vốn.

¹⁷ UBND các xã: Tà Mung 13,237 triệu đồng; Mường Mít 9,106 triệu đồng; Mường Cang 17,910 triệu đồng; Tà Hừa 8,742 triệu đồng.

phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính"; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chưa thực hiện lập báo cáo tình hình thực hiện dự toán, việc cung cấp dịch vụ công ích thủy lợi với Phòng Nông nghiệp và PTNT và Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện theo quy định¹⁸.

Năm 2022, Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện cấp phát nguồn kinh phí cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bằng hình thức lệnh chi tiền, số tiền 3.840 triệu đồng/4.004 triệu đồng, đạt 95,9% so với kế hoạch giao để thực hiện hỗ trợ quản lý, khai thác, sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích đảm bảo tưới nước, tiêu nước, cấp nước cho 3.318,7 ha diện tích đất, mặt nước (gồm 1.378,1 ha lúa chiêm; 1.803,5 ha lúa mùa; 64,2 ha hoa màu; 72,9 ha thủy sản).

Tổng kinh phí đơn vị thực hiện 3.840 triệu đồng để chi trả hoạt động khai thác, vận hành, nạo vét, duy tu, bảo dưỡng và sử dụng một phần để sửa chữa, nâng cấp các tuyến kênh¹⁹ cơ bản đảm bảo. Tuy nhiên, còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Đơn vị chưa lập kế hoạch về diện tích cấp nước, tưới nước, tiêu nước theo từng biện pháp tưới; kế hoạch sửa chữa, công việc lập dự toán, không thể hiện vị trí cụ thể tại các tuyến kênh nào, chưa xây dựng thuyết minh chi tiết theo từng biện pháp tưới tiêu, cho từng diện tích phù hợp với đặc thù của từng xã, thị trấn.

- Một số công trình chưa phát huy được hiệu quả sử dụng, cụ thể: xã Pha Mu, Tà Hừa, Mường Mít, có công trình chưa phát huy hết công năng, có công trình đầu tư từ nhiều năm trước đến nay đã xuống cấp sạt lở, không có nguồn nước tưới, chưa có giải pháp triệt để để khắc phục, sửa chữa ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng công trình sau đầu tư. Công trình thủy lợi tại xã Ta Gia (Điểm số 3 thiết kế cầu máng kích thước $B \times H = 0.3 \times 0.3m$, chiều dài tổng $L_t = 17,0m$ được chia làm 03 nhịp, 04 trụ có móng đỡ) đến thời điểm hiện tại cầu máng đã bị hỏng không sử dụng được do mưa sạt lở đất đẩy cầu máng gãy, dịch chuyển xuống taluy âm.

- Lập dự toán, thẩm định, trình phê duyệt báo cáo kinh tế, kỹ thuật²⁰ công trình còn có nội dung chưa đảm bảo:

+ Việc lập dự toán công trình trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 2,

¹⁸ Tại Hướng dẫn số 966/HĐ-STC-SNN&PTNT ngày 25/10/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT; mục V, VI tại Hướng dẫn số 1405/HD-STC ngày 18/8/2021 của Sở Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện chính sách hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi phí trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

¹⁹ Chi duy tu, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi 1.897 triệu đồng/3.840 triệu đồng, đạt 49,4% so với với kế hoạch vốn; chi vận hành, nạo vét, khai thác, bảo vệ các công trình thủy lợi 1.629 triệu đồng/3.840 triệu đồng, đạt 42,4% so với với kế hoạch vốn; chi tư vấn, giám sát và quản lý dự án 312,41 triệu đồng/3.840 triệu đồng đạt 8,2% so với kế hoạch vốn.

²⁰ Tờ trình số 94/TTr-PNN ngày 19/10/2022 của Phòng Nông nghiệp và PTNT về thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Nạo vét, sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Than Uyên; Thông báo số 206/TBKQTĐ-KT&HT ngày 27/10/2022 của Phòng Kinh tế và Hạ Tầng về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Nạo vét, sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Than Uyên; Tờ trình số 142/TTr-KT&HT ngày 27/10/2022 của Phòng Kinh tế và Hạ Tầng về việc trình phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình.

Điều 12, Điều 13 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ quy định về chi phí quản lý, đầu tư xây dựng; Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính dẫn đến sai số tiền 190,316 triệu đồng (*lập dự toán công trình với mức thuế GTGT 10% cho toàn bộ công trình*), trong đó, hạng mục nạo vét kênh mương là đối tượng không chịu thuế, đơn vị lập sai số tiền 148,155 triệu đồng.

(Có phụ biểu số 03 kèm theo)

+ Đơn vị thực hiện việc sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi (*chuyển từ mương đất sang mương bê tông với chiều dài 2.075,4 m*) tại UBND các xã với số tiền là 962,022 triệu đồng.

(Có phụ biểu số 04 kèm theo)

- Việc quản lý, giám sát, nghiệm thu, bàn giao, thanh quyết toán công trình còn có nội dung chưa đảm bảo, cụ thể:

+ Thanh toán chưa đảm bảo số tiền thuế 187,328 triệu đồng (*hạng mục sửa chữa 34,506 triệu đồng và chi phí tư vấn 4,666 triệu đồng bằng dự toán; hạng mục nạo vét kênh, mương, thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, đơn vị thanh quyết toán số tiền 148,155 triệu đồng*); đơn vị chưa lập phụ lục điều chỉnh thuế GTGT theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (*từ 10% xuống 8%*).

(Có phụ biểu số 05 kèm theo)

+ Quản lý, giám sát, nghiệm thu, thanh toán hạng mục sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi các xã Tà Mung, Ta Gia còn sai sót, thiếu khối lượng xây lắp cụ thể: Công trình nạo vét, sửa chữa, nâng cấp thủy lợi tại xã Tà Mung kênh B*H=0.3*0.4 m, thành kênh dày 10 cm tổng chiều dài L= 220 m, kiểm tra thực tế đơn vị thi công tổng chiều dài L=205 m thiếu 15 m so với hồ sơ thiết kế được phê duyệt, chênh lệch số tiền 8,301 triệu đồng; công trình nạo vét, sửa chữa, nâng cấp thủy lợi tại xã Ta Gia kênh B*H=0.3*0.3 m, thành kênh dày 10 cm tổng chiều dài L=164 m, kiểm tra thực tế đơn vị thi công tổng chiều dài L=144 m thiếu 20 m so với hồ sơ thiết kế được phê duyệt, chênh lệch số tiền 8,533 triệu đồng.

- Việc thanh quyết toán hạng mục nạo vét, sửa chữa nâng cấp có nội dung hồ sơ chưa đảm bảo theo quy định, thiếu biên bản nghiệm thu khối lượng theo hợp đồng.

4.3. Việc thực hiện chế độ báo cáo

Phòng Tài chính - Kế hoạch đã có Công văn số 19/TCKH-NS ngày 28/02/2022 đôn đốc thực hiện quyết toán ngân sách. Tuy nhiên, kết thúc năm ngân sách UBND các xã, thị trấn chưa thực hiện việc báo cáo tình hình thực hiện dự toán, việc cung cấp dịch vụ công ích thủy lợi với Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Phòng Tài chính - Kế hoạch theo quy định tại Hướng dẫn số

966/HĐ-STC-SNN&PTNT ngày 25/10/2017 và Hướng dẫn số 1405/HĐ-STC ngày 18/8/2021 của Sở Tài chính.

5. Việc quản lý các công trình thủy lợi trên địa bàn

- Một số công trình chưa phát huy được hiệu quả sử dụng, cụ thể: xã Pha Mu, Tà Hừa, Mường Mít, có công trình chưa phát huy hết công năng, có công trình đầu tư từ nhiều năm trước đến nay đã xuống cấp sạt lở, không có nguồn nước tưới, chưa có giải pháp triệt để để khắc phục, sửa chữa ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng công trình sau đầu tư.

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa thực hiện quản lý, theo dõi, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được giao theo quy định tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính²¹.

C. KẾT LUẬN

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Trong những năm qua, huyện Than Uyên luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND và lãnh đạo UBND tỉnh, sự hướng dẫn thường xuyên của các sở, ban, ngành tỉnh, sự phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn. Các cơ quan chuyên chủ động tham mưu UBND huyện ban hành các văn bản, chỉ đạo quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư và nguồn kinh phí miễn thủy lợi phí để sửa chữa, quản lý, khai thác, vận hành hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng nhu cầu. UBND các xã, thị trấn thường xuyên phối hợp kiểm tra, rà soát, sửa chữa, nâng cấp kịp thời các công trình thủy lợi cơ bản đảm bảo cung cấp nước tưới tiêu phục vụ cho phát triển sản xuất nông nghiệp, hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện; nguồn kinh phí phân bổ cho các đơn vị thực hiện cơ bản đảm bảo, sử dụng đúng mục đích, tạo sự tích cực, chủ động trong việc rà soát, lập kế hoạch sửa chữa, duy tu các công trình thủy lợi khi xảy ra mưa lũ, sạt lở trực tiếp vận hành công trình, điều hòa, phân phối nước đảm bảo theo thời vụ.

II. TỒN TẠI HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

1.1. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện

Năm 2022, Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu UBND huyện ban

²¹ Tại điểm d Điều 3 Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông thủy lợi. Chưa lập thẻ tài sản, hạch toán kế toán đối với toàn bộ tài sản được giao quản lý theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành; chưa thực hiện kiểm kê định kỳ hàng năm về tài sản; báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp để thống nhất hạch toán điều chỉnh số liệu giữa kết quả kiểm kê và sổ kế toán (nếu có); thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan; định kỳ tính hao mòn đối với tài sản được giao quản lý theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông thủy lợi.

hành Quyết định số 4612/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022, trong đó phân bổ kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện và UBND các xã, thị trấn, chưa tham mưu phân bổ chi tiết đến từng đơn vị sử dụng nguồn kinh phí thủy lợi phí.

1.2. Phòng Kinh tế - Hạ tầng

Thẩm định dự toán, báo cáo kinh tế kỹ thuật trong đó có 02 hạng mục xây lắp, nạo vét, đơn vị không thực hiện thẩm định riêng từng nội dung dẫn đến vượt định mức dự toán công trình đối với hạng mục nạo vét kênh mương (*nạo vét kênh mương thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng là đối tượng không phải chịu thuế giá trị gia tăng; thẩm định dự toán 10% thuế GTGT*), chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 2, Điều 12, Điều 13 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ quy định về chi phí quản lý, đầu tư xây dựng; Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

1.3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện

- Chưa thực hiện quản lý, theo dõi, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được giao theo quy định tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính.

- Chưa chủ động xây dựng kế hoạch về tưới tiêu, vận hành, duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi khi được giao quản lý kết cấu hạ tầng thủy lợi; kế hoạch sửa chữa, công việc lập dự toán, không thể hiện vị trí cụ thể tại các tuyến kênh, chưa xây dựng thuyết minh chi tiết theo từng biện pháp tưới tiêu, cho từng diện tích phù hợp với đặc thù của từng xã, thị trấn.

- Công tác phối hợp quản lý, khai thác các công trình thủy lợi tại một số xã hiệu quả chưa cao, cụ thể: Xã Pha Mu; Tà Hừa; Mường Mít, một số công trình chưa phát huy hết công năng, có công trình đầu tư từ nhiều năm trước đến nay đã xuống cấp, bồi lắng, sạt lở, không có nguồn nước, chưa có giải pháp triệt để để khắc phục, sửa chữa ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng công trình sau đầu tư.

- Việc quản lý, giám sát, nghiệm thu, thanh toán hạng mục sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi các xã Ta Gia, xã Tà Mung còn sai sót, thiếu khối lượng xây lắp, số tiền 16,843 triệu đồng.

- Thanh toán chưa đảm bảo số tiền thuế 187,328 triệu đồng (*hạng mục sửa chữa 34,506 triệu đồng và chi phí tư vấn 4,666 triệu đồng bằng dự toán; hạng mục nạo vét kênh, mương, thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, đơn vị thanh quyết toán số tiền 148,155 triệu đồng*). Đối với hạng mục nạo vét kênh mương đơn vị thi công đã xuất hoá đơn GTGT (8% thuế) nộp ngân sách Nhà nước với

số tiền 118,524 triệu đồng, Đoàn thanh tra không kiến nghị thu hồi; kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước số tiền chênh lệch 2% thuế là 68,498 triệu đồng.

(Có phụ biểu số 06 kèm theo)

- Chưa tham mưu xây dựng kế hoạch tổ chức hướng dẫn, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về tưới tiêu, vận hành, duy tu, bảo dưỡng công trình thủy lợi cho cấp xã.

1.4. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chưa chủ động trong việc thành lập tổ chức thủy lợi cơ sở theo Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành quy định về phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Công tác quản lý, khai thác các công trình thủy lợi tại một số xã chưa hiệu quả.

- Ủy ban nhân dân các xã Tà Mung; Mường Mít; Mường Cang; Tà Hừa chi sai chế độ Ban quản lý, số tiền 48,997 triệu đồng.

- Ủy ban nhân dân xã Mường Cang thanh quyết toán sai 2% thuế công trình làm mới tuyến kênh bản Nà Mạ, số tiền 2,436 triệu đồng.

2. Nguyên nhân của tồn tại hạn chế

2.1. Nguyên nhân khách quan

Trong quá trình thực hiện văn bản của tỉnh có nội dung bất cập, mâu thuẫn, không phù hợp với quy định, gây khó khăn trong triển khai, thực hiện, cụ thể:

- Tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ, quy định “*Thủy lợi nhỏ là công trình thủy lợi có nhiệm vụ tích trữ nước, cấp nước, tưới, tiêu, thoát nước có quy mô nhỏ hơn 20 ha vùng miền núi cả nước*”.

- Tại khoản 3 Điều 16 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định: “*Quy mô của thủy lợi nội đồng được quy định theo diện tích tưới nước, tiêu thiết kế của khu vực tưới, tiêu đối với từng vùng, khu vực miền núi nhỏ hơn hoặc bằng 50 ha*”.

- Tại khoản 1, khoản 2 Điều 13 Chương I, Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh Lai Châu quy định: “*Khoản 1 giải thích từ ngữ: Thủy lợi nhỏ: Là công trình thủy lợi có nhiệm vụ tích trữ nước, cấp nước, tưới, tiêu, thoát nước có quy mô nhỏ hơn 20 ha (đã bao gồm công trình thủy lợi nội đồng có quy mô nhỏ hơn, hoặc bằng 0,5 ha); “Khoản 2, giải thích từ ngữ: Thủy lợi nội đồng: Là công trình thủy lợi có nhiệm vụ tích trữ nước, cấp nước, tưới, tiêu, thoát nước có quy mô nhỏ hơn 0,5 ha*”.

- Tại khoản 2, Điều 6 quyết định 13 giao cho UBND cấp huyện quản lý, tuy nhiên Hướng dẫn số 1405/HD-STC ngày 18/8/2021 của Sở Tài chính không hướng dẫn đối với việc giao cơ quan chuyên môn cấp huyện quản lý (*đối tượng áp dụng văn bản trên là UBND các xã, thị trấn và công ty Thủy nông*).

- Trong khi chưa thành lập được các tổ chức thủy lợi cơ sở và lựa chọn được doanh nghiệp có đủ năng lực để trực tiếp quản lý, khai thác, Phòng NN&PTNT căn cứ chức năng, nhiệm vụ trực tiếp quản lý, vận hành công trình thủy lợi, tuy nhiên không có văn bản hướng dẫn cụ thể, vì vậy gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

** Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện*

- Trong quá trình triển khai, thực hiện nhiệm vụ chưa kịp thời phát hiện các quy định bất cập, mâu thuẫn, đề xuất với cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung điều chỉnh, hướng dẫn các xã, thị trấn thực hiện cho phù hợp với các quy định của pháp luật, dẫn đến việc UBND các xã, thị trấn không vận dụng được Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ trong việc thành lập các tổ hợp tác để giao quyền quản lý, khai thác, vận hành các công trình thủy lợi, thực hiện giao, quyết toán nguồn kinh phí theo quy định (*Phòng Nông nghiệp có văn bản đề nghị UBND tỉnh tháo gỡ khó khăn trong thực hiện quyết định 13 và hướng dẫn 1065, tuy nhiên không đề cập đến nội dung tại khoản 3 Điều 16 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn*).

- Công tác quản lý thi công, giám sát, nghiệm thu khối lượng công trình duy tu, nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi chưa được thực hiện thường xuyên.

- Lãnh đạo đơn vị chưa thường xuyên quan tâm, chỉ đạo công chức chuyên môn được phân công phụ trách tham mưu quản lý, khai thác công trình thủy lợi, thành lập tổ thủy lợi cơ sở, lập dự toán, trình phê duyệt, sử dụng kinh phí miễn thủy lợi phí chưa đảm bảo.

- Đơn vị chưa kịp thời tham mưu cho UBND huyện trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về tưới tiêu, vận hành, duy tu, bảo dưỡng công trình thủy lợi cho cấp xã.

** Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện*

- Đơn vị chưa nghiên cứu kỹ các văn bản quy định hiện hành trong việc thẩm định dự toán, chưa kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế trong công tác lập dự toán, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật chưa đảm bảo quy định.

III. TRÁCH NHIỆM

Đối với những tồn tại, hạn chế nêu tại tiết 1, Mục II, phần C Kết luận này,

trách nhiệm chung trước hết thuộc về tập thể lãnh đạo, Trưởng phòng, Phó trưởng phòng, công chức chuyên môn phụ trách lĩnh vực Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện; lãnh đạo Phòng Tài Chính – Kế hoạch, Phòng Kinh tế - Hạ tầng; tập thể lãnh đạo UBND các xã, thị trấn (*Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND các xã, thị trấn phụ trách lĩnh vực, công chức kế toán và công chức địa chính phụ trách lĩnh vực*).

D. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

I. VỀ HÀNH CHÍNH.

1. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện

Rút kinh nghiệm trong công tác tham mưu phân bổ kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022.

2. Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện

Tổ chức kiểm điểm, xác định trách nhiệm tập thể và các cá nhân trong việc thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật liên quan đến những tồn tại, hạn chế trong việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư, sửa chữa các công trình thủy lợi và nguồn vốn thủy lợi phí năm 2022.

3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện

Tổ chức kiểm điểm, xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan đến những tồn tại, hạn chế trong việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý, sử dụng nguồn vốn thủy lợi phí năm 2022 sửa chữa, nâng cấp, vận hành các công trình thủy lợi.

4. Ủy ban nhân dân các xã

Yêu cầu Đảng ủy, HĐND, UBND xã Tà Hừa, Tà Mung, Mường Cang, Mường Mít tổ chức kiểm điểm, xác định rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan đến những tồn tại, hạn chế năm 2021.

5. Chi cục thuế Than Uyên – Tân Uyên

Kiểm tra, rà soát việc xuất hóa đơn GTGT của doanh nghiệp lập 8% của hạng mục nạo vét kênh mương thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng số tiền 118,380 triệu đồng doanh nghiệp đã nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật Quản lý thuế, báo cáo kết quả về UBND huyện (*qua thanh tra huyện Than Uyên*).

II. VỀ KINH TẾ

Tổng sai phạm phát hiện qua thanh tra, thu hồi nộp ngân sách nhà nước số tiền **136,763 triệu đồng**.

(Số tiền bằng chữ: Một trăm ba sáu triệu bảy trăm sáu mươi ba ngàn đồng chẵn)

(Có phụ biểu số 07 kèm theo)

III. VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ

Kiến nghị UBND huyện chỉ đạo thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác quản lý, khai thác, vận hành, bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn, quản lý nguồn kinh phí nhà nước hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, công khai, hiệu quả; tăng cường kiểm tra, giám sát việc nghiệm thu thanh quyết toán kinh phí cấp bù thủy lợi phí theo quy định.

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ quyền hạn tham mưu cho UBND huyện thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật về chính sách cấp bù miễn thủy lợi phí, tham mưu ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát. Chủ trì phối hợp với UBND các xã, thị trấn rà soát các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện trình UBND huyện phê duyệt phân cấp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng các công trình thủy lợi, mở sổ theo dõi tài sản và tính hao mòn theo quy định tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông thủy lợi.

- Tăng cường công tác quản lý, khai thác, vận hành, bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo phân cấp quản lý gắn với việc thực hiện các quy định về quản lý kênh, mương, khai thác sử dụng và phát triển các kênh, mương trên địa bàn toàn huyện theo quy hoạch, xây dựng kế hoạch nạo vét kênh mương trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư, sửa chữa các công trình thủy lợi và nguồn vốn thủy lợi phí theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, quản lý khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi, thành lập, củng cố tổ chức thủy lợi cơ sở, đảm bảo công trình đưa vào khai thác sử dụng phát huy hiệu quả.

- Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch hướng dẫn các đơn vị xã, thị trấn xây dựng kế hoạch về tưới tiêu, vận hành, duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi; hàng năm xây dựng dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Tham mưu xây dựng kế hoạch tổ chức hướng dẫn, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về tưới tiêu, vận hành, duy tu, bảo dưỡng công trình thủy lợi cho cấp xã.

- Tham mưu văn bản trình UBND huyện kiến nghị, đề xuất UBND tỉnh Lai Châu sửa đổi "Khoản 2, giải thích từ ngữ: Thủy lợi nội đồng: Là công trình thủy lợi có nhiệm vụ tích trữ nước, cấp nước, tưới, tiêu, thoát nước có quy mô

nhỏ hơn 0,5 ha” tại Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh Lai Châu cho phù hợp với khoản 3 Điều 16 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư, sửa chữa các công trình thủy lợi và nguồn vốn thủy lợi phí theo quy định của pháp luật; phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong quản lý, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn, có giải pháp khắc phục, sửa chữa công trình thủy lợi sau đầu tư. Thường xuyên kiểm tra, rà soát biến động tăng, giảm về diện tích miễn thủy lợi phí.

Thực hiện việc báo cáo tình hình thực hiện dự toán, việc cung cấp dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định.

Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện trong công tác lập dự toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

IV. THỰC HIỆN KẾT LUẬN

Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Phòng Tài Chính – Kế hoạch, Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Chủ tịch UBND các xã: Tà Hừa; Tà Mung; Mường Cang; Mường Mít tổ chức thực hiện nghiêm nội dung kết luận, kiến nghị về thanh tra theo Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ quy định việc thực hiện Kết luận Thanh tra, báo cáo UBND huyện kết quả tổ chức thực hiện (*Qua Thanh tra huyện trước ngày 26/01/2024*).

Trên đây là Kết luận thanh tra của Chánh Thanh tra huyện về việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư, sửa chữa các công trình thủy lợi và nguồn vốn thủy lợi phí năm 2021, 2022 trên địa bàn huyện Than Uyên./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Các cơ quan, đơn vị là đối tượng thanh tra;
- Lưu: VT, hồ sơ.

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Thị Khánh Ly

DANH MỤC

**CÁC VĂN BẢN LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA UBND HUYỆN TRONG VIỆC QUẢN LÝ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN
ĐẦU TƯ THỦY LỢI VÀ NGUỒN THỦY LỢI PHÍ NĂM 2021-2022**

(Kèm theo Kết luận số 01/KL-TTr ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Chánh Thanh tra huyện)

STT	Số hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung văn bản	Người ký	Ghi chú
I	PHÒNG NÔNG NGHIỆP				
1	1528/UBND-NN&PTNT	17/11/2017	Về việc triển khai thực hiện hướng dẫn số 966/HD-STC-SNN&PTNT ngày 25/10/2017 của liên sở Tài chính và Nông nghiệp & PTNT hướng dẫn thực hiện chính sách miễn thủy lợi phí trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Vương Thế Mẫn	
2	Công văn số 2609/UBND-PNN	30/12/2020	Về việc thực hiện biện pháp đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh vụ Đông Xuân năm 2020-2021	Nguyễn Văn Thắng	
3	Quyết định số 1682/QĐ-UBND	14/9/2020	Phê duyệt diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi phí năm 2020 trên địa bàn huyện Than Uyên	Lò Văn Hương	
4	Công văn số 1099/UBND-NN	26/4/2021	Về việc giao nhiệm vụ triển khai Quyết định 13/2021/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	Nguyễn Văn Thắng	
5	Công văn số 1119/UBND-NN	27/4/2021	Về việc lập hồ sơ diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm công ích thủy lợi phí năm 2021	Nguyễn Văn Thắng	
6	Công văn số 1317/UBND-PNN	19/5/2021	Về việc đảm bảo an toàn và hạ du hồ chứa thủy điện	Nguyễn Văn Thắng	
7	Công văn 1673/UBND-PNN	25/6/2021	Về việc thành lập, củng cố và phát triển tổ chức thủy lợi cơ sở để tiếp nhận quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Than Uyên	Nguyễn Văn Thắng	
8	Quyết định số 2506/QĐ-UBND	28/7/2021	Phê duyệt diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi phí năm 2021 trên địa bàn huyện Than Uyên	Nguyễn Văn Thắng	
9	Tờ trình số 1401/TTr-UBND	25/8/2021	Đề nghị Phê duyệt diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi phí năm 2021 trên địa bàn huyện Than Uyên	Lò Văn Hương	

10	Công văn số 2709/UBND-PNN	27/9/2021	Về việc tháo gỡ những khó khăn trong thực hiện Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh Lai Châu; Hướng dẫn số 1065/HD-SNN ngày 04/6/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lai Châu	Nguyễn Văn Thăng
11	3158/UBND-NN	10/11/2021	Về việc đơn đốc thành lập cùng có và phát triển tổ chức thủy lợi cơ sở để tiếp nhận quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Than Uyên	Nguyễn Văn Thăng
12	3699/UBND-PNN	02/12/2021	Về việc giao quản lý và lựa chọn loại hình tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, hồ chứa nước	Nguyễn Văn Thăng
13	Quyết định 5486/QĐ-UBND	31/12/2021	Về việc bàn giao kết cấu hạ tầng các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Than Uyên	Nguyễn Văn Thăng
14	Quyết định 716/QĐ-UBND	12/4/2022	Điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 5486/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Than Uyên	Nguyễn Văn Thăng
15	Tờ trình số 1619/TTr-UBND	31/5/2022	Về việc lập hồ sơ diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm công ích thủy lợi phí năm 2022	Nguyễn Văn Thăng
16	Công văn số 1673/UBND-PNN	25/6/2022	Về việc thành lập, cùng có và phát triển tổ chức thủy lợi cơ sở để tiếp nhận quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Than Uyên	Nguyễn Văn Thăng
17	Công văn số 3702/UBND-PNN	2/12/2022	Về việc thực hiện HD số 1405/HD-STC ngày 18/8/2021 của Sở Tài chính hướng dẫn để thực hiện lập dự toán, thanh, quyết toán nguồn kinh phí dịch vụ công ích thủy lợi	Nguyễn Văn Thăng
18	Công văn số 3513/UBND-PNN	2/12/2022	Về việc đơn đốc thành lập cùng có và phát triển tổ chức thủy lợi cơ sở để tiếp nhận quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Than Uyên	Nguyễn Văn Thăng
II	PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH			
1	1334/UBND-TCKH	3/8/2020	Về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước 2021	Lò Văn Hương
2	2596/UBND-TCKH	29/12/2020	Về việc hướng dẫn công tác khoá sổ kế toán niên độ 2020, xử lý chuyển nguồn ngân sách cuối năm 2020 sang năm 2021	Lò Văn Hương
3	195/UBND-TCKH	05/2/2021	Về việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021	Lò Văn Hương
4	2215/UBND-TCKH	9/8/2021	Về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước 2022	Lò Văn Hương
5	3716/UBND-TCKH	06/12/2021	Về việc tiếp tục tăng cường thực hiện thu ngân sách nhà nước, đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn năm 2021	Lò Văn Hương

6	4112/UBND-TCKH	31/12/2021	Về việc hướng dẫn công tác khoá sổ kế toán niên độ 2021, xử lý chuyển nguồn ngân sách cuối năm 2021 sang năm 2022	Lò Văn Hương
7	269/UBND-TCKH	14/2/2022	Về việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022	Lò Văn Hương
8	19/TCKH-NS	28/2/2022	Đón đốc thực hiện quyết toán ngân sách	
9	2535/UBND - TCKH	31/8/2022	Về việc triển khai hướng dẫn của Sở Tài chính để thực hiện lập dự toán, thanh, quyết toán nguồn kinh phí dịch vụ công ích thuỷ lợi	Nguyễn Văn Thăng
10	2666/UBND-TCKH	19/9/2022	Về việc tăng cường đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân nguồn vốn sự nghiệp thuộc lĩnh vực nông nghiệp năm 2022	Lò Văn Hương
11	4116/UBND-TCKH	30/12/2022	Thực hiện quản lý, khai thác sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi phí năm 2023	Nguyễn Văn Thăng



TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH CÓ SAI PHẠM TRONG LẬP, THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN

(Kèm theo Kết luận số 01/KL-TTr ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Chánh Thanh tra huyện)

ĐVT: Đồng

STT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Giá trị thanh quyết toán bao gồm 10% thuế (Thanh toán theo dự toán được thẩm định)	Số liệu thanh tra (Tổng số thanh toán sau thuế 8% theo NQ số ghi quyết số: 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022)	Chênh lệch	Ghi chú
I	Nguồn vốn sự nghiệp TL, nguồn vốn đầu tư				2.436.364	
1	Đầu tư mới tuyến mương Nà Mạ	UBND xã Mường Cang	134.000.000	131.563.636	2.436.364	
	TỔNG CỘNG				2.436.364	

**TỔNG HỢP LẬP DỰ TOÁN, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT SAI SỐ TIỀN THUẾ GTGT CÔNG TRÌNH:
NAO VẾT, SỬA CHỮA, NÂNG CẤP HỆ THỐNG CÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THANH THÂN UYÊN NĂM 2022**

(Kèm theo Kết luận số 01/KL-TTr ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Chánh Thanh tra huyện)

ĐVT: Đồng

STT	Địa điểm thi công	Tổng	Hạng mục sửa chữa, nâng cấp				Hạng mục vận hành, nạo vét kênh mương				Hạng mục chi phí tư vấn						
			Tổng dự toán sửa chữa	Đơn vị lập (VAT 10%)	Thanh tra (VAT 8%)	Chênh lệch	Tổng dự toán nạo vét kênh mương	Đơn vị lập (VAT 10%)	Thanh tra	Chênh lệch	Tổng dự toán Chi phí tư vấn, chi phí quản lý dự án, chi phí khác	Đơn vị lập (VAT 10%)	Thanh tra (VAT 8%)	Chênh lệch	Tổng cộng		
1	Mường Mít	111.530.162	59.595.284	5.417.753	4.334.202	1.083.551	51.934.878	4.721.353	0	4.721.353	0	0	0	0	5.804.903		
2	Mường Kim	511.986.546	320.096.839	29.099.713	23.279.770	5.819.943	191.889.707	17.444.519	0	17.444.519	0	0	0	0	23.264.461		
3	Mường than	551.094.460	289.547.333	26.322.485	21.057.988	5.264.497	261.547.127	23.777.012	0	23.777.012	0	0	0	0	29.041.509		
4	Tà Hừa	131.427.965	77.132.295	7.012.027	5.609.621	1.402.405	54.295.670	4.935.970	0	4.935.970	0	0	0	0	6.338.375		
5	Thị trấn	117.682.444	78.076.843	7.097.895	5.678.316	1.419.579	39.605.601	3.600.509	0	3.600.509	0	0	0	0	5.020.088		
6	Mường Cang	492.727.125	274.672.449	24.970.223	19.976.178	4.994.045	218.054.676	19.823.152	0	19.823.152	0	0	0	0	24.817.197		
7	Tà Già	242.120.056	183.694.379	16.699.489	13.359.591	3.339.898	58.425.677	5.311.425	0	5.311.425	0	0	0	0	8.651.323		
8	Phúc Than	700.444.494	371.671.730	33.788.339	27.030.671	6.757.668	328.772.764	29.888.433	0	29.888.433	0	0	0	0	36.646.101		
9	Khoen On	259.213.939	134.818.963	12.256.269	9.805.015	2.451.254	124.394.976	11.308.634	0	11.308.634	0	0	0	0	13.759.888		
10	Hua Nà	146.948.000		0	0	0	146.948.000	13.358.909	0	13.358.909	0	0	0	0	13.358.909		
11	Pha Mu	37.949.000	0	0	0	0	37.949.000	3.449.909	0	3.449.909	0	0	0	0	3.449.909		
12	Tà Mung	224.466.311	108.573.784	9.870.344	7.896.275	1.974.069	115.892.527	10.535.684	0	10.535.684	0	0	0	0	12.509.753		
13	Chi phí tư vấn, chi phí quản lý dự án, chi phí khác	420.978.538											420.978.538	38.270.776	30.616.621	7.654.155	7.654.155
14	Chi phí Ban quản lý dự án	55.758.000											55.758.000	0	0	0	0
	Tổng cộng	4.004.327.040	1.897.879.899	172.534.536	138.027.629	34.506.907	1.629.710.603	148.155.509	0	148.155.509	0	0	0	0	190.316.572		

DANH MỤC CÁC TUYẾN KÊNH MƯƠNG ĐƠN VỊ NÂNG CẤP TỪ KÊNH ĐÁT LÊN KÊNH BÊ TÔNG NĂM 2022

(Kèm theo Kết luận số 01/KL-TT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Chánh Thanh tra huyện)

ĐVT: Đồng

STT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Năng cấp từ kênh đất lên kênh bê tông (m)	Số tiền trước thuế	Số tiền sau thuế	Ghi chú
I	Nguồn thủy lợi phí năm 2022		2.075.400	874.565.455	962.022.000	
1	Tuyến kênh bản Cầm Trung L=241,7 m; tuyến kênh bản Đông L=350 m	Phòng NN&PTNT	591.700	220.503.636	242.554.000	
2	Tuyến kênh bản Củng xã Ta Gia L= 164 m	Phòng NN&PTNT	164.000	94.912.727	104.404.000	
3	Tuyến kênh bản Múi 1 xã Khoen On L= 305 m	Phòng NN&PTNT	305.000	122.562.727	134.819.000	
4	Tuyến kênh xã Phúc Than, bản Năm Vai L= 402,73 m; Sáp Ngua L=392 m	Phòng NN&PTNT	794.700	337.882.727	371.671.000	
5	Tuyến kênh bản Tà Mung xã Tà Mung L= 220	Phòng NN&PTNT	220.000	98.703.636	108.574.000	

TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH CÓ SAI PHẠM NGHIỆM THU, THANH QUYẾT TOÁN VỀ THUẾ GTGT

(Kèm theo Kết luận số 01/KL-TTr ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Chánh Thanh tra huyện)

ĐVT: Đồng

STT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Giá trị thanh quyết toán bao gồm 10% thuế (Thanh toán theo dự toán được thẩm định)	Số liệu thanh tra (Tổng số thanh toán sau thuế 8% theo NQ số ghi quyết số: 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022)	Chênh lệch	Ghi chú
I	Nguồn thu lợi phí năm 2022		3.840.000.000	3.596.913.236	187.328.764	
1	Chi phí Hạng mục sửa chữa	Phòng NN&PTNT	1.897.880.000	1.863.373.091	34.506.909	
2	Chi phí Hạng mục nạo vét, vận hành	Phòng NN&PTNT	1.629.710.000	1.481.554.545	148.155.455	
3	Chi phí tư vấn	Phòng NN&PTNT	256.652.000	251.985.600	4.666.400	
4	Chi phí quản lý dự án	Phòng NN&PTNT	55.758.000	0	0	
	TỔNG CỘNG				187.328.764	



TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH CÓ SAI PHẠM VỀ THUẾ GTGT ĐỀ NGHỊ THU HỒI (CHÉNH LỆCH 2%)

(Kèm theo Kết luận số 01/KL-TTr ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Chánh Thanh tra huyện)

ĐVT: Đồng

STT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Giá trị thanh quyết toán bao gồm 10% thuế (Thanh toán theo dự toán được thẩm định)	Số liệu thanh tra (Tổng số thanh toán sau thuế 8% theo NQ số ghi quyết số: 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022)	Chênh lệch	Ghi chú
I	Nguồn thuỷ lợi phí năm 2022		3.823.157.000	3.698.900.836	68.498.164	
1	Chi phí Hạng mục sửa chữa	Phòng NN&PTNT	1.881.037.000	1.846.836.327	34.200.673	
2	Chi phí Hạng mục nạo vét, vận hành	Phòng NN&PTNT	1.629.710.000	1.600.078.909	29.631.091	
3	Chi phí tư vấn	Phòng NN&PTNT	256.652.000	251.985.600	4.666.400	
4	Chi phí quản lý dự án	Phòng NN&PTNT	55.758.000	0	0	
TỔNG CỘNG						68.498.164



BIỂU TỔNG HỢP SỐ TIỀN SAI PHẠM QUA THANH TRA

(Kèm theo Kết luận số 01/KL-TTr ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Chánh Thanh tra huyện)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Sai phạm	Thu hồi nộp ngân sách NN	Ghi chú
	Tổng	136.763.000	136.763.000	
I	Phòng NN&PTNT	85.332.000	85.332.000	
1	Nghiệm thu, thanh toán sai: Công trình nạo vét xã Ta Gia còn sai sót, thiếu khối lượng xây lấp Kênh B*H=0.3*0.4 m, thành kênh dày 10 cm tổng chiều dài L= 220 m, kiểm tra thực tế đơn vị thi công tổng chiều dài L=205 m thiếu 15 m so với hồ sơ thiết kế được phê duyệt; công trình đồng sửa chữa, nâng cấp thủy lợi tại xã Tà Mung kênh B*H=0.3*0.4 m, thành kênh dày 10 cm tổng chiều dài L= 220 m, kiểm tra thực tế đơn vị thi công tổng chiều dài L=205 m thiếu 15 m so với hồ sơ thiết kế được phê duyệt	16.834.000	16.834.000	
2	Thanh quyết toán sai về thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (từ 10% xuống 8%)	68.498.000	68.498.000	
II	UBND các xã, thị trấn (Chi sai tiền BQL Thủy lợi xã)	48.995.000	48.995.000	
1	Xã Tà Mung	13.237.000	13.237.000	
2	Xã Mường Mít	9.106.000	9.106.000	
3	Xã Mường Cang	17.910.000	17.910.000	
4	Xã Tà Hừa	8.742.000	8.742.000	
III	Công trình bản Nà Mạ xã Mường Cang	2.436.000	2.436.000	
1	Chênh lệch thuế từ 10% xuống 8% thuế GTGT theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (từ 10% xuống 8%)	2.436.000	2.436.000	

